TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H2 phúc**

Bản án số: 281/2022/DS-PT
Ngày 05/7/2022
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và Bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

Ông Nguyễn T8 Anh

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi Bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 174/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 288/2022/QĐ-PT ngày 08/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phước H1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: khóm AL, phường ABA, thành phố H, Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1959;

Địa chỉ: khóm AL, phường ABA, thành phố H, Đồng Tháp

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn U (Chồng bà Nguyễn Thị A (chết), chị của ông H1), sinh năm 1940;

2. Ông Nguyễn Văn V (Con bà Nguyễn Thị A (chết), chị của ông H1), sinh năm 1970;

3. Ông Nguyễn Thanh T (Con bà Nguyễn Thị A (chết), chị của ông H1), sinh năm 1975;

4. Bà Nguyễn Thị Bé N (Con bà Nguyễn Thị A (chết), chị của ông H1), sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: đường Tôn Thất Thuyết, khóm 4, phường AT, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Nguyễn Thị X (Chị ông H1), sinh năm 1954;

Địa chỉ: khóm Cồng Cộc, phường AL2, thành phố H, Đồng Tháp.

6. Ông Nguyễn Bá K (Anh ông H1), sinh năm 1960;

Địa chỉ: khóm 2, phường AT, thành phố H, Đồng Tháp.

7. Bà Nguyễn Thị Thanh T1(Chị ông H1), sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp LH, xã LKA, huyện H, Đồng Tháp.

8. Bà Nguyễn Thị T2 (Ánh T2) (Em ông H1), sinh năm 1973;

Địa chỉ: khóm 1, thị trấn Sa Rài, huyện T3, Đồng Tháp.

9. Ông Nguyễn Khả Q (Anh ông H1), sinh năm 1956;

10. Ông Nguyễn Phùng X1 (Anh ông H1), sinh năm 1965;

11. Bà Nguyễn Thị T4 (Anh ông H1), sinh năm 1965;

12. Bà Lâm Thị G (Vợ ông C), sinh năm 1951;

13. Chị Nguyễn Thị Kim C1 (Con ông Công), sinh năm 1987;

14. Cháu Nguyễn Chí K1 (Con chị C1), sinh năm 2013;

15. Cháu Nguyễn Chí K2 (Con chị C1), sinh năm 2015;

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Chí K1 và Nguyễn Chí K2 là chị Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1987;

16. Bà Nguyễn Thị Kim C2 (Vợ ông Huệ), sinh năm 1970;

17. Anh Bùi Thanh T5 (T6) (Con bà Nguyễn Thị H2 (chết), em ông C), sinh năm 1983;

18. Anh Nguyễn Văn Đ (Chồng chị C1), sinh năm 1982;

19. Bà Nguyễn Thị X2 (Vợ ông Nguyễn Văn H3 (chết), anh ông C), sinh năm 1954;

20. Anh Nguyễn Thanh P (Con ông Nguyễn Văn H3 (chết), anh ông C), sinh năm 1976;

21. Nguyễn Thị Mỹ H4 (Con ông Nguyễn Văn H3 (chết), anh ông C), sinh năm 1977;

22. Chị Nguyễn Thị D (Con ông Nguyễn Văn H3 (chết), anh ông C), sinh năm 1979;

23. Anh Nguyễn Thanh T7 (Con ông Nguyễn Văn H3 (chết), anh ông C), sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: khóm AL, phường ABA, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

24. Ông Nguyễn Văn Đ1 (Em ông C), sinh năm 1963. Địa chỉ: khóm Thượng 1, thị trấn TTT, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

25. Anh Bùi Thanh T8 (Con bà Nguyện Thị H2 (chết), em ông C), sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp 2, xã TTB, huyện T3, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Phước H1

(Ông H1, ông Công, chị C1 có mặt; ông U, ông V, ông T, ông K, bà T4, bà T2, ông Q, ông X1, bà T4, bà C2, anh Đ, chị D có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự khác vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Phước H1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông bà để lại từ trước năm 1975, trước đó là của ông cố tên Nguyễn Văn L2 chết để lại cho ông nội tên là Nguyễn Văn K3, sau khi chết ông nội để lại cho cha ông tên là Nguyễn Văn G1, đến năm 2000 cha ông chết thì để lại phần đất này cho ông. Cha mẹ ông có 09 người con gồm: Nguyễn Thị A (chết), có chồng tên Nguyễn Văn U; Nguyễn Thị X; Nguyễn Khả Q; Nguyễn Bá K; Nguyễn Phùng X1; Nguyễn Thị T4; Nguyễn Thị Thanh T1; ông và bà Nguyễn Thị T2 (Ánh Tuyết).

Năm 1973 cha ông có xây nhà máy xay lúa, đến năm 1975 nhà máy xay lúa bị cháy, đến năm 1977 xây dựng lại nhà máy xay lúa này. Sau đó, đến khoảng năm 1978-1979 có giặc Khơ-me-đỏ nên Nhà nước trưng dụng nhà máy xay lúa này làm nơi khám chữa bệnh dã chiến cho nhân dân, đến năm 1980 thì Nhà nước thuê mặt bằng làm kho thuốc lá cho Công ty thuốc Miền Tây, đến năm 1989 Công ty làm ăn thua lỗ nên trả lại mặt bằng cho cha ông và cũng năm này ông Ân mua lại kho thuốc lá này, sau này ông thống nhất trả cho ông Ân 3.000.000đ để lấy lại luôn kho thuốc lá này. Phần đất tranh chấp này là lối đi vào kho thuốc lá, vì kho thuốc lá ở gần sông nên cần có lối đi vào, hiện nay kho thuốc là này vẫn còn các vách tường và nằm liền kề giáp ranh phía sau phần đất tranh chấp này và thuộc một phần thửa số 199, tờ bản đồ số 23, đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông rồi.

Vào khoảng năm 1994 -1995 vợ chồng bà Nguyễn Thị H2 và ông Bùi Văn B, hiện nay đã chết (Bà H2 là em ruột ông Nguyễn Văn C) không có đất ở nên mới xin cha ông cất nhà ở tạm trên phần đất tranh chấp này, việc xin

này không có giấy tờ, chỉ nói bằng lời nói. Cha ông thống nhất cho vợ chồng bà H2 ở nhờ và có thỏa thuận là khi nào cần lấy lại thì báo trước để trả. Liền kề phần đất tranh chấp này thì mẹ của bà H2 là bà Đinh Thị N2 cũng có phần đất và được Nhà nước tặng cho 01 ngôi nhà tình nghĩa trên phần đất của mình rồi, sau này do bà H2 lấy chồng ra riêng, nên mới xin cha ông phần đất giáp ranh hiện đang tranh chấp để ở nhờ. Sau khi bà N2 chết thì ông Công quản lý, sử dụng căn nhà tình nghĩa này của cụ N2 và đồng thời sau khi bà H2, ông B chết thì ông Công bao C1ếm và xây dựng nhà kiên cố luôn trên phần đất của bà H2, ông B đã mượn của cha ông mà không chịu trả lại nên phát sinh tranh chấp. Đồng thời, khi ông Công tiến hành xây dựng căn nhà này thì ông Công làm hư hại 02 vách tường và 01 cột bê tông của kho thuốc lá củ trước đó của cha ông để lại cho ông.

Ông đã khởi kiện ông Công yêu cầu trả đất và bồi thường thiệt hại, được Tòa án thị xã Hồng Ngự (Nay là thành phố H) giải quyết bằng Bản án sơ Thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 15/11/2019. Do không thống nhất với Bản án này nên ông kháng cáo và được Tòa án tỉnh Đồng Tháp giải quyết bằng Bản án phúc thẩm số 148/2020/DS-ST ngày 24/6/2020. Nội dung bản án phúc thẩm là hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án thành phố Hgiải quyết lại vụ án, nay ông yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án tranh chấp này và thống nhất sử dụng các tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án thu thập trước đây để làm căn cứ giải quyết tiếp vụ án này.

Ông thống nhất Sơ đồ đo đạc của Tòa án và giá trị các tài sản tranh chấp theo biên bản ngày 26/3/2021, với giá trị QSD đất là 1.000.000đ/m^2, giá trị căn nhà trên đất tranh chấp là 250.000.000đ, cột bê tông giá trị là 2.000.000đ và 02 vách tường giá trị là 3.000.000đ.

Nay do ông C đã xây dựng nhà kiên cố lên rồi nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn C phải trả lại giá trị quyền sử dụng đất diện tích là 71,4m^2 (theo đo đạc thực tế), đất thuộc một phần thửa số 199, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại khóm AL, phường ABA, thành phố Hồng Ngư, tỉnh Đồng Tháp cho ông với số tiền là 71.400.000đ (71,4m^2 x 1.000.000đ) và yêu cầu ông C phải bồi thường thiệt hại cho ông tài sản bị xâm phạm là 02 vách tường và 01 cột bê tông của kho thuốc lá mà ông C đã đập phá làm hư hại khi ông C xây nhà với số tiền là 5.000.000đ.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông C không thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là ông bà để lại, trước đó là của bà ngoại ông

C tên Nguyễn Thị C1, sau khi chết bà ngoại để lại cho mẹ ông tên là Đinh Thị N2 (chết năm 2012). Trên phần đất tranh chấp này trước đó bà ngoại và sau này mẹ ông Công đều có xây dựng nhà để ở, vào khoảng năm 1988 – 1989, nhà mẹ ông bị hư, xuống cấp nên Nhà nước có tặng cho mẹ ông căn nhà tình nghĩa được xây dựng ngay trên phần đất tranh chấp này (vì là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, do cha ông là Liệt sĩ và anh ông cũng là Liệt sĩ). Sau khi mẹ ông chết để lại cho ông quản lý, sử dụng căn nhà tình nghĩa này, đến năm 2019 do căn nhà tình nghĩa này xuống cấp nên ông tháo bỏ và xây dựng lại căn nhà mới kiến cố như hiện nay, nay ông để cho gái mình tên là Nguyễn Thị Kim C1 ở để trông coi nhà cửa và thờ cúng ông bà. Khi ông xây dựng nhà thì ông không có làm hư hại cột bê tông và vách tường kho thuốc lá của ông Huệ, do trước đây kho thuốc lá này xây dựng sơ sài và xây dựng quá lâu nên nó tự xập. Phần đất tranh chấp này không thuộc phạm vị của kho thuốc lá, mà kho thuốc là của ông Huệ nằm liền kề phía sau phần đất tranh chấp này. Đồng thời, nằm liền kề với phần đất tranh chấp này là phần đất của ông, do ông bà để lại, hai phần đất cùng nguồn gốc là của ông bà tự khai hoang để lại, không phải đất của gia đình ông H1. Do không biết thủ tục và nghĩ là đất của mình rồi nên ông chưa đi đăng ký để được cấp giấy chứng nhận QSD đất, nên phần đất tranh chấp này hiện này chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận phần diện tích đất tranh chấp này cho ông được quyền sử dụng và được đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất.

Cha mẹ ông Công có 06 người con gồm: Nguyễn Văn H3 (chết), có vợ tên Nguyễn Thị X2; Nguyễn Văn Thường (chết, không vợ con); Nguyễn Thị H2 (chết), có chồng Bùi Văn B (chết), có con Bùi Thanh T8 và Bùi Thanh T5 (tên thường gọi T6); Nguyễn Văn Đ1; ông và một người con đã chết lúc nhỏ, không biết tên. Cha mẹ chết để lại phần đất tranh chấp này cho ông, vì trước đó ông ở cùng nuôi mẹ khi còn sống và nay có nghĩa vụ thờ phụng ông bà. Trước đó bà H2 cũng có ở chung với mẹ ông khi còn sống, nay bà H2 đã chết. Căn nhà trên đất tranh chấp trước đây là của mẹ ông là cụ N2 được Nhà nước tặng chứ không phải nhà của bà H2.

Ông Huệ có khởi kiện ông Công để đòi lại đất này và được Tòa án thị xã Hồng Ngự (Nay là thành phố H) giải quyết bằng Bản án sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 15/11/2019. Sau đó ông Huệ kháng cáo và được Tòa án tỉnh Đồng Tháp giải quyết bằng Bản án phúc thẩm số 148/2020/DS-ST ngày 24/6/2020. Nội dung bản án phúc thẩm là hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án thành phố Hgiải quyết lại vụ án. Nay ông Công yêu cầu Tòa án

tiếp tục giải quyết vụ án tranh chấp này và thống nhất sử dụng các tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án thu thập trước đây để làm căn cứ giải quyết tiếp vụ án này.

Ông thống nhất Sơ đồ đo đạc của Tòa án và giá trị các tài sản tranh chấp theo biên bản ngày 26/3/2021, với giá trị QSD đất là 1.000.000đ/m^2, giá trị căn nhà trên đất tranh chấp là 250.000.000đ, cột bê tông giá trị là 2.000.000đ và 02 vách tường giá trị là 3.000.000đ.

Ngoài ra ông không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá K trình bày*:** Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông H1, yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của ông H1. Ngoài ra ông không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khả Q trình bày*:** Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Huệ, yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của ông H1. Ngoài ra ông không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim C1 trình bày*:** Chị thống nhất với lời trình bày của ông C, yêu cầu Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu của ông H1, công nhận QSD đất tranh chấp này cho cha chị là ông C. Ngoài ra chị không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Thanh T5 trình bày*:** Anh là con của bà H2 (đã chết, là em ruột của ông C), cha anh là ông Bùi Văn B (đã chết). Phần đất tranh chấp này là của bà ngoại anh là bà Đinh Thị N2 Khai hoang và quản lý, sử dụng từ đó cho tới nay. Nay ngoại anh đã chết để lại phần đất này cho ông C , anh thống nhất phần đất này là của ông C được đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất. Trước đây nhà nước có tặng cho ngoại anh căn nhà tình nghĩa và mẹ anh có sinh sống chung trong căn nhà này, sau này nhà xuống cấp nên mới xây dựng lại căn nhà mới như hiện tại. Anh không tranh chấp, yêu cầu Tòa án giải quyết gì trong vụ án này.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim C2 trình bày*:** Phần đất tranh chấp giữa ông H1 và ông C trong vụ án là của chồng bà là ông H1. Nay vì là đất của ông H1 nên ông H1 toàn quyền quyết định và đứng tên cá nhân trong giấy chứng nhận QSD đất, bà không tranh chấp gì trong vụ án này. Bà thống nhất với ý kiến của ông H1.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X2 và chị Nguyễn Thị D trình bày*:** Phần đất tranh chấp giữa ông H1 và ông C trong vụ

án là của ông, bà tặng cho riêng cho ông C. Nay vì là đất của ông C nên ông C toàn quyền quyết định và đứng tên cá nhân trong giấy chứng nhận QSD đất, bà và chị không tranh chấp gì trong vụ án này. Bà và chị thống nhất với ý kiến của ông C.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H đã xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phước Huệ.

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 71,4m^2 (Vị trí I, nằm trong phạm vị các mốc 1, 2, 3, 4, 5 và 1 theo Sơ đồ đo đạc số 08/SĐĐĐ/VPDKĐĐ 2021 ngày 04/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp), thuộc một phần thửa số 1465, tờ bản đồ số 23, đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, tọa lạc tại khóm AL, phường ABA, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp cho ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn C được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê Khai đối với phần diện tích đất đã được công nhận quyền sử dụng nêu trên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kèm theo Bản án này là Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp và Sơ đồ đo đạc số 08/SĐĐĐ/VPDKĐĐ 2021 ngày 04/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và Chi phí tố tụng:

- Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Phước H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 3.870.000đ.Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông H1 đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0007252, ngày 09/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H (Nay là thành phố H, tỉnh Đồng Tháp). Ông H1 còn phải nộp thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.570.000đ (Ba triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Các đương sự khác còn lại trong vụ án không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 2.792.000đ, nguyên đơn ông Nguyễn Phước H1 phải chịu (ông H1 đã nộp và chi xong).

- Ngày 04/3/2022 ông H1 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông H1 phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông C phát biểu: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H1, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm chị C1 phát biểu: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của luật sư, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản là đúng pháp luật.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Xét kháng cáo của ông H1 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm là buộc ông C trả giá trị đất và bồi thường thiệt hại tổng cộng 76.400.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn ông H1 kháng cao yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn C phải trả lại giá trị quyền sử dụng đất diện tích 71,4m^2 (theo đo đạc thực tế) là 71.400.000đ (= 71,4m^2 x 1.000.000đ), đất thuộc một phần thửa số 199 (nay thuộc một phần thửa 1465), tờ bản đồ số 23, đất tọa lạc tại khóm AL, phường ABA, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Ông H1 cho rằng phần diện tích đất tranh chấp 71,4m^2 là của ông bà của ông H1 để lại cho ông H1 sử dụng.

Việc ông H1 cho rằng phần đất tranh chấp thì ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên thấy rằng:

Ông H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trước đó đã có căn nhà của cụ Đinh Thị N2 xây dựng trên phần đất tranh chấp và cụ N2 quản lý, sử dụng phần đất từ trước thời điểm mà ông Huệ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Công văn số: 1634/UBND-HC ngày 02/7/2021 và số: 2329/UBND-HC ngày 27/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H xác nhận là phần diện tích đất tranh chấp này thuộc một phần thửa số 1465, tờ bản đồ số 23, đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất; phần đất tranh chấp này người sử dụng đất được kê khai cấp giấy chứng nhận QSD đất, theo sổ mục kê chưa có tên chủ sử dụng đất.

Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường ABA thì phần đất tranh chấp xét về quá trình quản lý sử dụng đất là do Mẹ Việt Nam Anh Hùng Đinh Thị N2 quản lý sử dụng ổn định từ những năm 1975.

Theo Công văn số 270/UBND-TP ngày 26/5/2021 của Ủy ban nhân dân phường ABA xác nhận căn nhà tình nghĩa mà Ủy ban nhân dân phường ABA xét cấp cho cụ Đinh Thị N2, sinh năm 1962 là bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng (chết năm 2012) tại vị trí phần đất đang tranh chấp.

Xét về quá trình sử dụng đất thì ông H1 cũng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh phần đất tranh chấp này là do gia đình mình quản lý, sử dụng. Mà phần đất tranh chấp này trên thực tế ông C là người trực tiếp quản lý, sử dụng và trước đó là cụ bà Đinh Thị N2 quản lý, sử dụng.

Đồng thời, ông H1 còn cho rằng phần đất tranh chấp này là nằm trong khuôn viên của kho thuốc lá, vì theo ông kho thuốc lá này có hai lối đi vào, phần đất tranh chấp này là một trong hai lối đi đó, phía dưới phần đất tranh chấp này thì vẫn có một lối đi khác nữa để vào kho. Theo sơ đồ đo đạc và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ xác định kho thuốc lá này vẫn còn các vách tường bao quanh và nằm phía sau liền kề với phần đất tranh chấp này, nên khi ông C xây dựng nhà thì ông H1 cho rằng ông C đập phá cột và vách tường của kho thuốc lá, còn ông C thì cho rằng cột và vách tường tự ngã đổ. Ông H1 cũng không có chứng cứ gì chứng minh ông C làm.

Ngoài ra, ông H1 cho rằng phần đất tranh chấp này trước đây bà H2 và ông B (đã chết) xin cha mình để ở nhờ, nhưng ông cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, phía bị đơn không thống nhất với lời trình bày này của ông H1.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1 về phần này.

Ngoài ra ông H1 còn kháng cáo yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C phải bồi thường thiệt hại tài sản là 02 vách tường và 01 cột bê tông mà ông C đã đập phá làm hư hại khi ông C xây dựng căn nhà trên đất tranh chấp này với tổng giá trị là 5.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, ông H không có tài liệu,

chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình. Ông C cũng không thừa nhận. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông H1 là phù hợp.

Từ những cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Đối với việc ông C không có yêu cầu Tòa án công nhận 71,4m^2 đất tranh chấp cho ông sử dụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm quyết định công nhận quyền sử dụng đất cho ông C là không phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên việc này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm trong xét xử.

Do đó sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung.

- Sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

Áp dụng Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 263, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phước H1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C trả giá trị đất diện tích 71,4m^2 và bồi thường thiệt hại tài sản, tổng cộng 76.400.000đ.

2. Ông Nguyễn Văn C được tiếp tục sử dụng đất diện tích 71,4m^2 (Vị trí I, nằm trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5 và 1 theo Sơ đồ đo đạc số 08/SĐĐĐ/VPDKĐĐ 2021 ngày 04/5/2021 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp), thuộc một phần thửa số 1465, tờ bản đồ số 23, đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, tọa lạc tại khóm AL, phường ABA, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Nguyễn Văn C được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai đối với phần diện tích đất 71,4m^2 đã được công nhận quyền sử dụng nêu trên theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Bản án này là Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp và Sơ đồ đo đạc số 08/SĐĐĐ/VPDKĐĐ 2021 ngày 04/5/2021 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H, tỉnh Đồng Tháp).

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Phước H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 3.870.000đ nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0007252, ngày 09/7/2019 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã H (Nay là thành phố H, tỉnh Đồng Tháp). Ông H1 còn phải nộp thêm tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.570.000đ (Ba triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn Phước H1 phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0006502, ngày 04/3/2022 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

4. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 2.792.000đ, nguyên đơn ông Nguyễn Phước H1 phải chịu (ông H1 đã nộp và chi xong).

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS TP.H;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thông